

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU ÁNH SÁNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU ÁNH SÁNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE LIGHT BRAND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BRAND LIGHT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108715927

3. Ngày thành lập: 25/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15 ngách 622/31 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
2.	Chăn nuôi gia cầm	0146
3.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
4.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
5.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
10.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
11.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
12.	Sản xuất sợi	1311
13.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
14.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
15.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
16.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
17.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
21.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

22.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
23.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng)	2420
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
26.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
27.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
28.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
29.	Sản xuất máy luyện kim	2823
30.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610(Chính)
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
33.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710

49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển	5229
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ loại nhà nước cấm)	7740
62.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
64.	Đào tạo sơ cấp	8531
65.	Đào tạo trung cấp	8532
66.	Đào tạo cao đẳng	8533
67.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
68.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
69.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
70.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	560.000.000,000	35,000	019177000117	
2	NGUYỄN VĂN HOÀN	thôn 4, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	268.000.000,000	16,750	013550765	
3	NGUYỄN THÀNH LONG	số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	352.000.000,000	22,000	011753212	
4	NGUYỄN VIỆT BẰNG	Số 106D, TT Ủy ban nhân dân TP, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000,000	6,250	010043272	
5	TRẦN NGỌC XUÂN	P105-N35 TT Viện 108, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	160.000.000,000	10,000	0010460000695	
6	NGUYỄN THẾ SONG	thôn , Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	160.000.000,000	10,000	001182014484	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019177000117

Ngày cấp: 20/11/2017

Nơi cấp: cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 25/04/2019 đến ngày 25/05/2019

